

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/DS-ST.

Ngày: 15/8/2017.

V/v tranh chấp Hợp đồng vay và Đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành.

2. Ông Huỳnh Minh Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 50/2016/TLST-DS ngày 26/10/2016, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay và Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐST-DS ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị B**, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị B: Ông **Triệu Du N**, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Mai Văn H**, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Dương Thị B lập ngày 13/10/2016 cũng như quá trình giải quyết vụ án tại tòa, nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày như sau:

Giữa nguyên đơn và chồng của bị đơn Q là ông Mai Văn H có mối quan hệ bà con bạn dì ruột nên có thời gian vợ chồng bà Q, ông H có ở nhờ nhà nguyên đơn nên trong khoảng thời gian năm 2012- 2013 nguyên đơn có tham gia dây hụi do bị đơn Q làm chủ và bà Q có thiếu tiền bà cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay: Vào ngày 25 tháng 4 năm 2012 âm lịch bà Nguyễn Thị Q có mở dây hụi 3.000.000 đồng, nguyên đơn có tham gia chơi dây hụi do bà Q làm chủ, bà tham gia 04 chân hụi, dây hụi có 56 người tham gia, trong dây hụi này bà có mua thêm 03 chân hụi. Như vậy đối với dây hụi này bà tham gia tổng cộng được 07 chân. Đối với dây hụi này bà là người hốt sau cùng là vào ngày 20/12/2013 âm lịch (hốt một lần 07 chân) được tổng cộng số tiền 1.195.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Q có trả được 195.000.000 đồng (trả từ từ), còn số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại bà Q xin vay lại 01 tháng nhưng khi hết hạn bà Q cứ hẹn dần mà không trả nên đến ngày 15/3/2014 âm lịch (tức ngày 14/4/2014) thì bà Q mới làm biên nhận xin vay tiền 1.000.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Bên cạnh đó khi làm biên nhận nợ bà Q có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em bà Q (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh C) cho bà giữ để thế chấp và bà Q có hứa với bà khi nào vay được tiền Ngân hàng sẽ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay bà Q vẫn chưa trả.

- Đối với tiền mượn: Vào ngày 30/11/2012 bà Q có mở dây hụi 3.000.000 đồng/phần, hụi gồm 51 phần, hụi 10 ngày khai 01 lần, hụi khai đến lần thứ hai thì bà mua 03 phần. Đến ngày 15/10/2013 bà Q tiếp tục mở dây hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi gồm 47 phần, hụi 15 ngày khai 01 lần, dây hụi này bà tham gia 04 phần và mua 03 phần. Đối với các dây hụi này sau khi bà đóng được một thời gian thì phát hiện bà Q bán hụi cho bà là các phần hụi người ta đã hốt và bà Q không thật tình nên bà yêu cầu bà Q trả lại tiền vốn bà đã đóng và mua. Qua yêu cầu của bà thì bà Q cũng đồng ý nên sau khi tính toán thì bà Q thiếu bà tổng số tiền 1.117.120.000 đồng, đối với số tiền này bà Q nói sẽ trả 17.120.000 đồng, còn phần còn lại 1.100.000.000 đồng bà Q xin mượn lại và làm biên nhận mượn tiền vào ngày 11/3/2014 âm lịch cho bà và thừa nhận còn thiếu 1.100.000.000 đồng và hứa sẽ trả trong thời gian 01 tháng khi vay được tiền của Ngân hàng nhưng đến nay vẫn chưa trả.

- Còn đối với số vàng: Trong thời gian làm ăn tại Trần Đề và ở nhờ nhà bà thì bà Q đã mượn của bà tổng cộng 15 chỉ vàng 18 Kara nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà Dương Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Q và ông Mai Văn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay 1.000.000.000 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 1.125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 14/4/2014 (tức ngày 15/3/2014 âm lịch) cho đến ngày xét xử; trả tiền mượn 1.100.000.000 đồng và vàng mượn 15 chỉ vàng 18K. Trường hợp vợ chồng bà Q không thanh toán đủ số tiền nêu trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Q sử dụng đất do ông Nguyễn Thanh C đứng tên nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Dương Thị B rút lại một phần yêu cầu đó là không yêu cầu ông Mai Văn H cùng trả nợ với bà Q (chỉ yêu cầu một mình bà Q trả nợ) và rút lại phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất do ông Nguyễn

Thanh C đứng tên (không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp) các phần còn lại vẫn giữ nguyên.

* Theo bị đơn Nguyễn Thị Q trình bày tại biên bản lấy khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa bà Q trình bày như sau: Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà không đồng ý vì bà B trình bày không đúng, bà Q có ý kiến như sau:

- Đối với số tiền vay: Thực tế đây không phải là tiền vay mà là từ tiền hụi mà ra, trong số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà làm biên nhận cho bà B nó bao gồm tiền vay một phần, tiền lãi cộng vào và tiền hụi bà thiếu, lý do bà làm biên nhận nợ vay 1.000.000.000 đồng là do bà B kêu bà làm biên nhận vào ngày 15/3/2014 âm lịch, kể từ ngày làm biên nhận bà không có đóng lãi cho bà B và cũng chưa trả vốn. Việc bà lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C đưa cho bà B để thế chấp là do bà B kêu, ông C không hề hay biết.

- Đối với tiền mượn: Đối với số tiền này bà cũng không có mượn đây cũng là tiền hụi do bà B có tham gia chơi hụi với bà nhưng do bà B sợ bề nên bà B ngưng chơi yêu cầu bà trả tiền đã đóng và tiền mua hụi nhưng do bà không có tiền trả nên bà B yêu cầu bà làm biên nhận nợ còn thiếu 1.100.000.000 đồng nhưng thực tế bà chỉ thiếu 944.900.000 đồng, lý do bà làm biên nhận 1.100.000.000 đồng là do cộng lãi vào và kể từ ngày kết sổ làm biên nhận ngày 11/3/2014 âm lịch đến nay bà cũng chưa trả số tiền nêu trên.

- Còn đối với số vàng: Thực tế bà chỉ mượn 03 chỉ vàng 18K chứ không phải 15 chỉ vàng 18K như bà B trình bày, khi mượn không có làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Q cho rằng chỉ thiếu nguyên đơn tổng cộng 1.626.600.000 đồng (bao gồm tiền vay và tiền mượn) và 03 chỉ vàng 18K nhưng bà đã trả cho bà B được số tiền vốn 425.960.000 đồng, tiền lãi đã trả 568.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh C trình bày: Ông và bà Q là chị em ruột, giữa bà Q và bà B làm ăn thiếu nợ với nhau như thế nào ông không biết và việc bà Q lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đem thế chấp cho bà B ông không biết vì ông để giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong nhà bà Q ra vô thăm mẹ nên lấy lúc nào ông không hay.

Nay ông có yêu cầu độc lập là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị B trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông mà bà Q giao cho bà B khi làm biên nhận vay tiền.

* Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Trên cơ sở phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Luật sư đề nghị Hội đồng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và yêu cầu đối với ông Mai Văn H cùng trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17/10/2016, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Dương Thị B lập ngày 13/10/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà B nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện bà B và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/10/2016, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản với bà Nguyễn Thị Q có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn H đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Văn H.

[5] Về việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đó là không yêu cầu ông Mai Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Q và rút lại phần xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy, việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội

đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Mai Văn H và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[6] Xét yêu cầu của phía nguyên đơn bà Dương Thị B yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Q hoàn trả khoản nợ vay với số tiền vay 1.000.000.000 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 1.125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 14/4/2014 (tức ngày 15/3/2014 âm lịch) cho đến ngày xét xử; trả tiền mượn 1.100.000.000 đồng và vàng mượn 15 chỉ vàng 18K.

[7] Đối với số tiền vay: Bà B cho rằng bà có tham gia dây hụi do bà Q làm chủ, bà là người hốt sau cùng và khi hốt hụi được tổng số tiền 1.195.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Q có trả được 195.000.000 đồng, còn số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại bà Q xin vay lại, đến ngày 15/3/2014 âm lịch thì bà Q làm biên nhận cho bà và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng bà Q cho rằng số tiền trên bao gồm tiền lãi cộng vào và tiền hụi chỉ một phần và bà có làm biên nhận như bà B trình bày. Xét thấy, qua lời trình bày của các bên thể hiện được bà B có tham gia dây hụi do bà Q làm chủ và khi hốt hụi được tổng số tiền 1.195.000.000 đồng nhưng bà Q chỉ trả 195.000.000 đồng, còn lại nợ hụi 1.000.000.000 đồng nhưng sau đó thì bà Q xin vay lại, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tờ biên nhận 15/3/2014 âm lịch mà Q thừa nhận là do bà làm cho bà B. Còn bà Q cho rằng số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà nguyên đơn trình bày bao gồm tiền hụi, vay và tiền lãi cộng vào và bà đã trả được tiền vốn 425.960.000 đồng, tiền lãi đã trả 568.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, căn cứ vào các chứng cứ đã phân tích và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa hôm nay thì chứng minh được bị đơn có vay tiền của nguyên đơn 1.000.000.000 đồng nhưng sau khi vay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng thừa nhận là kể từ ngày bị đơn làm biên nhận cho nguyên đơn để vay 1.000.000.000 đồng cho đến nay bị đơn cũng chưa trả lãi hay vốn gì cả. Cho nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với tiền lãi: Khi vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là cao so với quy định và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 14/4/2014 (tức ngày 15/3/2014 âm lịch) cho đến ngày xét xử là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể như sau: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 40 \text{ tháng (từ ngày 14/4/2014 đến ngày 14/8/2017)} = 450.000.000 \text{ đồng}$.

[9] Như vậy, đối với tiền vay cần buộc bị đơn Q trả cho nguyên đơn tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất 450.000.000 đồng.

[10] Đối với số tiền mượn: Trong năm 2012 và 2013 nguyên đơn có tiếp tục chơi hụi do bà Q làm chủ nhưng khi chơi được một thời gian do phát hiện bà Q có gian dối và bà yêu cầu rút lại vốn và sau khi tính toán thì bà Q thiếu của bà tổng số tiền 1.117.120.000 đồng, đối với số tiền này bà Q nói sẽ trả 17.120.000

đồng, phần còn lại bà Q mượn lại và làm biên nhận mượn tiền vào ngày 11/3/2014 âm lịch cho nguyên đơn và thừa nhận còn thiếu 1.100.000.000 đồng nhưng bà Q chỉ thừa nhận còn thiếu 944.900.000 đồng, việc bà Q làm biên nhận cho bà B còn thiếu 1.100.000.000 đồng là do bà B ép buộc. Xét thấy, việc bà Q cho rằng chỉ thiếu bà B 944.900.000 đồng nhưng bà B không thừa nhận và bà Q cũng không có chứng cứ để chứng minh bà chỉ thiếu tiền mượn của bà B 944.900.000 đồng, vì tại Tòa hôm nay bà Q cũng thừa nhận tờ biên nhận ngày 11/3/2014 âm lịch là do bà lập ra để đưa cho bà B và nội dung tờ biên nhận trên thể hiện bà Q còn thiếu tiền bà B 1.100.000.000 đồng. Như vậy, việc bà B yêu cầu bà Q trả số tiền 1.100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[11] Đối với vàng mượn: Nguyên đơn B cho rằng bà Q mượn của bà 15 chỉ vàng 18K và yêu cầu trả lại nhưng bị đơn Q chỉ thừa nhận mượn 03 chỉ vàng 18K và chỉ đồng ý trả 03 chỉ vàng 18K. Xét thấy, việc nguyên đơn cho rằng bị đơn có mượn của nguyên đơn 15 chỉ vàng 18K nhưng bị đơn chỉ thừa nhận mượn 03 chỉ vàng 18K, ngoài lời trình bày thừa nhận của bị đơn nguyên đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn mượn 15 chỉ vàng 24K mà trách nhiệm chứng minh thuộc về nguyên đơn, vì vậy đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận 01 phần của nguyên đơn là buộc bị đơn Q trả 03 chỉ vàng 18K cho nguyên đơn theo như lời trình bày thừa nhận của bị đơn.

[12] Như vậy, bị đơn Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Dương Thị B tổng số tiền tổng cộng 2.550.000.000 đồng (tiền vay 1.000.000.000 đồng; tiền lãi 450.000.000 đồng; tiền mượn 1.100.000.000 đồng) và 03 chỉ vàng 18K.

[13] Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh C: Ông C yêu cầu bà B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà B đang giữ của ông C, bà B thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không đồng ý trả vì bà cho rằng bà Q đã thế chấp cho bà khi nào bà Q trả nợ thì bà mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Xét thấy, việc bà B giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà Q giao để đảm bảo nợ vay của bà Q nhưng không có sự đồng ý của ông C tại phiên tòa hôm nay ông C yêu cầu bà B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[14] Qua lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn như đã phân tích thì có cơ sở chấp nhận đối với tiền vay, lãi suất, tiền mượn và 03 chỉ vàng 18K.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị B phải chịu án phí là 1.722.680 đồng đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 30.453.600 đồng ($12 \text{ chỉ vàng } 18K \times 2.537.800 \text{ đồng} \times 5\% = 1.522.680 \text{ đồng}$) và phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận 200.000 đồng; bị đơn Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 2.550.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 18K (2.537.800 đồng/01 chỉ); Ông Nguyễn Thanh C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu được chấp nhận.

[16] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 256, 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả các khoản nợ:

Buộc bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm hoàn trả cho bà Dương Thị B tổng cộng số tiền 2.550.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và 03 (ba) chỉ vàng 18K.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Dương Thị B về việc yêu cầu ông Mai Văn H trả nợ và Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Dương Thị B về việc xử lý tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh C về việc yêu cầu bà Dương Thị B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Dương Thị B trả lại cho ông Nguyễn Thanh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0120 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp ngày 30/9/1997.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Q chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.152.268 đồng (tám mươi ba triệu một trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng)

- Bà Dương Thị B phải chịu 1.722.680 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 37.450.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003521 ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Bà Dương Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp chênh lệch là 35.727.320 đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003698, ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với ông Mai Văn H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: - Các bên đương sự; - TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA); - VKSND huyện Trần Đề; - Chi cục THADS huyện Trần Đề; - Lưu (HSVA & TA).	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa (Đã ký) Lý Công Minh
---	--

GIÁ VÀNG 9999 - GIÁ VÀNG SJC - GIÁ VÀNG TỰ DO

(Cập nhật lúc **08:25** ngày **14/08/2017**)

Xem giá vàng theo ngày

14/08/2017 

	Giá vàng hôm nay		Giá vàng hôm qua	
	(14/08/2017)		(13/08/2017)	
	GIÁ MUA VÀO	GIÁ BÁN RA	GIÁ MUA VÀO	GIÁ BÁN RA
Giá vàng Tp.Hồ Chí Minh				
10K	13.555	14.955	Không có	Không có
14K	19.449	20.849	Không có	Không có
18K	25.378	26.778	Không có	Không có
24K	34.449	35.149	Không có	Không có
SJC10c	36.320	36.520	Không có	Không có
SJC1c	36.320	36.550	Không có	Không có
SJC99.99	34.800	35.500	Không có	Không có
SJC99.99N	35.100	35.500	Không có	Không có
Giá vàng Hà Nội				
SJC	36.320	36.540	Không có	Không có
Giá vàng Nha Trang				
SJC	36.310	36.540	Không có	Không có

* Mũi tên màu xanh (▲): thể hiện giá vàng đang xem tăng cao hơn so với ngày trước đó.

* Mũi tên màu đỏ (▼): thể hiện giá vàng đang xem thấp hơn so với ngày trước đó.

(Nguồn: Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn – SJC)

[In trang này](#)

GIÁ VÀNG CÁC THỜI ĐIỂM TRƯỚC

[Giá vàng ngày hôm nay](#), [ngày 13/08](#), [ngày 12/08](#), [ngày 11/08](#), [ngày 10/08](#), [ngày 09/08](#), [ngày 08/08](#), [ngày 07/08](#), [Giá vàng tuần trước](#)